

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 01-02-2024

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thủy Tiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Lê Thị Nhanh.
- Ông Nguyễn Thành Thông.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Nguyễn Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 01 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 322/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 372/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Mộng T, sinh năm 1980; Địa chỉ: 240/1A, 240/1B, 240/1C, 240/1D đường A, khu phố B, phường L, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. (có đơn xin vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Võ Thanh V, sinh năm 1977; Thường trú: 240/1A, 240/1B, 240/1C, 240/1D đường A, khu phố B, phường L, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh; Cư trú: 802E X, Y, United States, Zip code: 47802. (có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/10/2023 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mộng T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Võ Thanh V tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 24/10/2005 tại Ủy ban nhân dân xã I, huyện P, tỉnh N, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 43, quyển số 01/2005. Sau khi kết hôn, thời gian đầu hạnh phúc nhưng sau đó có nhiều điểm không hợp nhau về tính tình và lối sống nên dẫn đến xung đột và xảy ra nhiều tranh cãi. Do vợ chồng sống xa nhau về khoảng cách địa lý nên không có cơ hội để tìm tiếng nói chung trong cuộc sống cũng như cách nuôi dạy con, đôi bên đã cố gắng hòa giải nhiều lần nhưng vẫn không được. Vì thời gian mâu thuẫn kéo dài nên khả năng đoàn tụ không có, tình cảm vợ chồng không còn và nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T xin được ly hôn với ông V để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 02 (con) con chung tên Võ Nguyễn Thùy D, sinh ngày 12/7/2006, giới tính: Nữ và Võ Nguyễn Thùy V1, sinh ngày 24/01/2012, giới tính: Nữ. Bà T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung, bà không yêu cầu ông Võ Thanh V cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Tại Bản tự khai đã được chứng thực tại Tổng Lãnh sự quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Houston, Hoa Kỳ ngày 18/12/2023, bị đơn ông Võ Thanh V xác nhận lời trình bày của bà Nguyễn Thị Mộng T về thời điểm kết hôn, về mâu thuẫn chung của vợ chồng, về con chung, tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ dân sự chung là đúng.

Về quan hệ hôn nhân: Ông đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị Mộng T.

Về con chung: Có 02 (con) con chung tên Võ Nguyễn Thùy D, sinh ngày 12/7/2006, giới tính: Nữ và Võ Nguyễn Thùy V1, sinh ngày 24/01/2012, giới tính: Nữ. Ông Võ Thanh V đồng ý giao các con chung cho bà T là người trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng và ông không cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà Nguyễn Thị Mộng T và ông Võ Thanh V kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã I, huyện P, tỉnh N, cấp giấy chứng nhận kết hôn số 43, quyển số 01/2005 ngày 24/10/2005. Căn cứ theo Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên có đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa bà T và ông V là hôn nhân hợp pháp

Do nguyên đơn đang cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh. Bị đơn đang cư trú ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn:

Căn cứ vào lời khai, chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử nhận thấy bà T và ông V sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Ngoài ra, do khoảng cách địa lý, thời gian sống chung vợ chồng không lâu, hoàn cảnh mỗi người mỗi nơi nên không có điều kiện gần gũi, chăm sóc nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng dần phai nhạt, mâu thuẫn vợ chồng không có cơ hội hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được hạnh phúc nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông V.

Bên cạnh đó, ông V cũng đồng ý ly hôn với bà T vì nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, để đôi bên tự ổn định cuộc sống riêng của mình.

Luật Hôn nhân gia đình quy định “vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau...”. Trong khi đó cuộc sống hôn nhân giữa bà T và ông V lại thiếu sự quan tâm lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được hạnh phúc nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mộng T.

Về con chung: Có 02 (con) con chung tên Võ Nguyễn Thùy D, sinh ngày 12/7/2006, giới tính: Nữ và Võ Nguyễn Thùy V1, sinh ngày 24/01/2012, giới tính: Nữ. Bà Nguyễn Thị Mộng T và ông Võ Thanh V cùng thỏa thuận giao các con chung cho bà T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Ông V không cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Xét thấy, sự tự nguyện này của bà T và ông V là phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa không xét.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa không xét.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Là 300.000 đồng, bà Nguyễn Thị Mộng T phải chịu theo quy định pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Mộng T và ông Võ Thanh V có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 37; Điều 147; Điều 273; Điều 280; Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 121 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Căn cứ Luật Thi hành án Dân sự;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Mộng T.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mộng T được ly hôn ông Võ Thanh V.

1.2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của bà Nguyễn Thị Mộng T và ông Võ Thanh V giao các con chung tên Võ Nguyễn Thùy D, sinh ngày 12/7/2006, giới tính: Nữ và Võ Nguyễn Thùy V1, sinh ngày 24/01/2012, giới tính: Nữ cho bà Nguyễn Thị Mộng T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Ông Võ Thanh V không cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con mà lạm

dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu được quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Không, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa không xét.

1.4. Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa không xét.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) bà Nguyễn Thị Mộng T chịu, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) mà bà T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000962 ngày 22/11/2023 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị Mộng T đã nộp đủ tiền án phí.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Bà Nguyễn Thị Mộng T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án. Ông Võ Thanh V được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ. Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.(Linh/16b)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thị Thủy Tiên

